

Bản án số: 75/2022/DS-PT

Ngày 28-12-2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ứng và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 19 và ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q (có mặt) và bà Trần Thị T (vắng mặt); địa chỉ: Thôn Tq, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Trần Thanh B; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Thúy H; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Hữu K; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Năm 2006 ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn Huy (Ông Trương Trọng Q1 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Q) một thửa đất có thổ cư tọa lạc tại thôn Phương Trạch, xã Đắc Sắk, huyện Đắc Mil; sau khi nhận chuyển nhượng thì ông Q, bà T sử dụng từ năm 2006 đến nay. Ngày 05/9/2017 ông Q, bà T được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511581, thửa đất 596, tờ bản đồ 18, diện tích 453m², chiều rộng mặt trước và sau 12m. Tháng 5/2014 ông Q, bà T xây móng nhà

trên khuôn viên thửa đất, có ông Q1, ông K (Chủ sử dụng đất liền kề) chỉ và thống nhất ranh giới rõ ràng, không có ai tranh chấp. Khoảng tháng 5 năm 2018 ông Trần Thanh B xây móng nhà nhưng không báo cho ông Q, bà T để xác định rõ ranh giới, xây chồng lấn lên móng nhà ông Q, bà T, phần lấn hình tam giác kích thước (38m, 38m, 0.2m về phía cuối thửa đất, diện tích 3.8m²) ông Q, bà T yêu cầu ông B tháo dỡ phần móng xây lấn chiếm nhưng ông B không chấp nhận. Việc xây móng nhà của ông B lấn sang đất của ông Q đã làm giảm giá trị sử dụng của toàn bộ thửa đất. Do đó ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh B trả lại diện tích nằm trong thửa đất 596, TĐĐ 18 nói trên cho ông Q, bà T.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản tranh chấp xác định phần đất tranh chấp giữa ông Q, bà T và ông B là 1.99 m², do đó ông Q bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.81m², chỉ còn yêu cầu ông B trả lại 1.99m², các cạnh: Bắc giáp đường đi, rộng 0.0m; Nam giáp thửa đất của ông H1, rộng 0.14m; Đông: Giáp đất ông Q, bà T, Tây giáp đất ông B, dài 28.56m. Giá trị đất tranh chấp là 40.000.000 đồng và tài sản trên đất là 12.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thanh B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thúy H trình bày:

Ngày 03/10/2017 ông Trần Thanh B, bà Phan Thị Thúy H nhận chuyển nhượng của ông Trần Ngọc Chiến (Con trai ông Trần Hữu K) một thửa đất tọa lạc tại thôn Phương Trạch, xã Đắc SẮk, huyện ĐẮk MİL, diện tích 348.5m² (Chiều ngang 07m, dài hết thửa đất) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 329913 ngày 18/7/2018, thửa đất 1017, tờ bản đồ 18. Tháng 3 năm 2018 ông Trần Hữu K cùng cán bộ địa chính, các hộ liền kề gồm ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn H1, bà Trương Thị L và ông Trần Hữu K tiến hành đo đạc và giao đất cho gia đình ông B. Theo đó phần đất tiếp giáp với ông Q mốc giới chung là 01 bờ rào móng đá học, cột xi măng, lưới B40, phần đất tiếp giáp ông H1, bà L 01 bờ rào lưới B40 do ông H1 xây dựng. Các bên xác nhận mốc giới đất không ai có ý kiến gì. Tháng 4 năm 2018, ông B, bà H làm móng đá học lên ½ phần móng cũ giữa ông Q và ông K, kéo thẳng ra sau phần đất tiếp giáp đất ông H1 và đổ đất trên phần đất nhận chuyển nhượng, có sự thống nhất của ông Trần Hữu K và ông Nguyễn Văn H1. Ông Nguyễn Văn Q biết việc đó nhưng vẫn khởi kiện ông B vì cho rằng lấn đất. Ông B cam đoan làm đúng phần đất mà các bên đã thống nhất ranh giới, còn cọc mốc cũ phía dưới, không có việc vỡ chH1 ông B, bà H lấn đất của ông Q, bà T, nếu có thì chỉ có vài chỗ đá học bị lỗi, ông B sẽ tự nguyện cất bỏ. Đối với kết quả đo đạc của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐẮk MİL thể hiện thực tế sử dụng đất của ông B, bà H mặt trước giáp đường rộng 7.04m, mặt sau giáp rộng 7.22m là do khi ông K bàn giao đất cho ông B đã cho ông B xây móng nhà thẳng từ trước ra sau nên mới dư đất chứ ông B, bà H không lấn chiếm đất của ông Q, bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu K trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông B đang sử dụng và tranh chấp với ông Q, bà T của ông K được hợp tác xã cấp năm 1997, năm 1998 hộ ông K được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số K511869, sử dụng đất ổn định không tranh chấp với ai. Khoảng năm 2010 ông Q đến sử dụng thửa đất giáp ranh, khoảng năm 2014 ông Q thỏa thuận miệng với ông K xây móng đá học để làm ranh giới. Ông Q chịu chi phí đá, cát, xi măng và công thợ xây, ông K chịu lưới B40 và cọc, móng được xây dựng có bề rộng khoảng 20cm, ranh giới là giữa móng đá chia đôi làm hai mỗi người một nửa khoảng 10cm. Năm 2015 ông K tặng cho toàn bộ diện tích đất 3.190m² con trai là Trần Ngọc Chiến và sau đó anh Chiến chuyển nhượng cho ông Trần Thanh B phần thửa đất giáp ranh với ông Q. Thửa đất có diện tích 348.5m², tứ cận: Cạnh Bắc giáp đường đi, cạnh Nam giáp thửa đất 266, cạnh Đông giáp thửa đất 233, 234, cạnh Tây giáp thửa đất 1018. Về mặt giấy tờ thì anh Chiến là người ký hợp đồng chuyển nhượng với ông B còn ông K là người trực tiếp giao đất. Khi giao đất cho ông B, ông K gọi ông H1, ông Q và anh B đến chỉ ranh giới và thống nhất ranh giới là móng đá và hàng rào sử dụng chung từ trước. Ông K khẳng định ông B sử dụng đất đúng ranh giới mà các bên đã thống nhất. Ngoài ra ông K còn trình bày năm 1999 trồng cây cà phê thì ông K đã cho ông Trương Trọng L và ông Nguyễn Văn H1 trồng thẳng và cắt một đường thẳng từ đường vào đất của ông H1, hiện giờ mốc vẫn còn và được ông L, ông H1 công nhận. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà T là không có căn cứ.

Người làm chứng ông Trương Trọng L trình bày: Nguồn gốc thửa đất 596, tờ bản đồ 18 mang tên ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T là của ông L được cấp, sau đó ông L tặng cho con trai là Trương Trọng Q1, ông Q1 chuyển nhượng cho ông Huy và ông Huy chuyển nhượng cho ông Q. Ông Q, bà T xây bờ rào, sử dụng đất ổn định không tranh chấp. Khi làm thủ tục tặng cho con trai ông L có kiểm tra thực địa bằng thước dây xác định diện tích đủ, không tranh chấp với các hộ liền kề.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 và bà Trương Thị L trình bày: Ông H1, bà L là chủ sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Phương Trạch, xã Đắc SẮc, huyện ĐẮk Mil, tỉnh ĐẮk NÔNG. Nguồn gốc đất được hợp tác xã thời đó chia năm 1997. Thửa đất có một cạnh giáp đất ông Q (Nguyên trước kia của ông Trương Trọng L), một cạnh giáp đất ông Trần Thanh B (Nguyên trước kia của ông Trần Hữu K). Quá trình ông H1, bà L sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. Phần đất giáp ông K trước đây ông H1 dựng 04 cọc gỗ trong đó có hai cọc lún sang đất ông K. Khi ông B sử dụng đất ông B đã kéo một đường thẳng từ cọc đầu tiên (Mốc giáp đuôi đất ông Q) về đến cuối thửa đất làm ranh giới. Giữa ông H1, bà L và ông B sử dụng đất ổn định không có tranh chấp gì. Nếu việc đo đạc đất ông B dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có thể liên quan bên đất ông K chứ không liên quan đất ông H1, bà L. Thời điểm ông K giao đất cho ông B thì bà L có tham gia với tư cách chủ sử dụng đất liền kề, thống nhất ranh giới như cũ, không tranh chấp gì. Phần ranh giới giữa ông B và ông Q thống nhất với nhau như thế nào bà L không rõ, chỉ thấy ông B và ông Q vui vẻ chứ không có tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐẮk Mil, đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2

Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 163, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T về việc buộc ông Trần Thanh B phải trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T diện tích đất 1.99m², tứ cận: Nam giáp thửa đất của ông H1, rộng 0.14m; Đông: Giáp đất ông Q, bà T, Tây giáp đất ông B, dài 28.56m, Bắc giáp đường, rộng 0.0m, đất thuộc một phần thửa đất số 1017, tờ bản đồ 18 mang tên ông Trần Thanh B và bà Phan Thị Thủy H, đất tọa lạc tại thôn Phương Trạch, xã Đắc SẮc, huyện ĐẮk Mĩl, tỉnh ĐẮk NÔNG và tháo dỡ móng đá học có chiều dài tương ứng 28.56m.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất 1.81m².

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26-9-2022 nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐẮk NÔNG phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐẮk Mĩl.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là phù hợp.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Vào năm 2006 ông Q, bà T có nhận chuyển nhượng của ông Trương Trọng Q1 và bà Nguyễn Thị K một thửa đất tọa lạc tại xã ĐẮk SẮc, huyện ĐẮk Mĩl. Tháng 5 năm 2014 thì ông Q xây móng nhà trên khuôn viên thửa đất đã nhận chuyển nhượng, đến ngày 07/8/2017 ông Quý, bà T và ông Q1, bà K lập hợp đồng chuyển nhượng, ngày 05/9/2017 ông Q, bà T được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ĐẮk NÔNG cấp GCNQSDĐ số CI 511581 thửa số 596, tờ bản đồ số 18 diện tích 453m².

Vào năm 2017 ông B có nhận chuyển nhượng một diện tích đất thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ 18 đã được UBND huyện ĐẮk Mĩl cấp GCNQSDĐ đất số K511869 ngày 15/10/1997 cho hộ ông Trần Hữu K. Ngày 15/7/2018 ông B, bà H được cấp GCNQSDĐ đất số CN 329913 đối với thửa đất 1017, tờ bản đồ 18, có diện tích 348, 5

m² tọa lạc tại xã Đắc Săk, huyện Đắc Mil. Đến đầu năm 2018 thì ông K và ông Q cắm mốc xác định ranh giới để làm thủ tục tách thửa, sau đó ông B xây dựng nhà theo ranh giới mà ông K và ông Q đã xác định.

[2.2] Tại đơn khởi kiện ông Q cho rằng ông B xây chồng lấn lên móng nhà ông Q, bà T, phần lấn hình tam giác có diện tích 3.8m². Tuy nhiên, kết quả đo đạc cho thấy diện tích hiện đang tranh chấp là 1,99 m². Nguyên nhân do ông Trần Thanh B xây móng đá hộc lên ½ móng cũ của ông Q, ông B cho rằng móng cũ là ranh giới chung giữa đất ông Q và ông B nên ông B có quyền xây dựng, điều này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Hữu K. Ông Q cho rằng ông K có đặt nhờ cọc bê tông và kéo rào lưới B40 lên móng của ông Q nhưng không phải là móng sử dụng chung. Ông Q không chấp nhận việc ông B xây móng lên ½ móng cũ ông Q đã xây nhưng không tranh chấp đối với phần móng từ phía mặt đường đến đoạn giữa của thửa đất mà chỉ tranh chấp phần móng từ đoạn giữa về cuối thửa đất. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng móng mà ông B xây nằm trên ½ móng mà ông Q đã xây trước đó tạo thành một đường thẳng từ trước ra sau; tiến hành đo chiều rộng đất của ông Q từ trước đến ½ chiều dài thửa đất thì ông Q và ông B đều đủ đất, đo phía sau chiều rộng đất của ông Q là 11, 86m; đất ông B là 7,03 m. Như vậy, diện tích đất của ông B tại vị trí cuối cùng giáp với đất của ông Quý thừa 03cm.

[2.3] Ngoài ra theo công văn số 577/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 26/8/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắc Mil cung cấp sai số cho phép trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực đất tranh chấp không quá 40 cm. Đồng thời tờ bản đồ 18 là bản đồ địa chính dạng giấy đo năm 1994, không có tọa độ, không có file dạng số nên không lồng ghép được. Qua xem xét bản đồ, hồ sơ địa chính, ranh giới thửa đất ông Trần Thanh B giáp ranh với đất ông Nguyễn Văn Q có ranh giới là một đường thẳng như hiện trạng xây dựng, không bị gãy khúc. Việc ông Q không thừa nhận móng sử dụng chung giữa ông và ông B là không phù hợp, trong trường hợp nếu móng riêng của gia đình ông Q thì thửa đất phía trước của ông Q thừa 15cm, bởi qua xem xét mặt móng ông Q xây dựng là 30cm. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người chuyển nhượng sống lâu năm cũng như thực tế thì thấy rằng việc ông Trần Thanh B xây dựng móng đá hộc 1/2 ranh giới giữa ông Q và ông K đã xác định từ trước là phù hợp với quá trình xác định ranh giới và thực tế sử dụng của các bên.

Như vậy, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh việc bị đơn lấn chiếm có chiều rộng 14cm với diện tích lấn chiếm 1,99 m². Do vậy, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả diện tích đất 1.81m² nguyên đơn đã rút yêu cầu, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 163, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T về việc buộc ông Trần Thanh B phải trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T diện tích đất 1.99m², tứ cận: Nam giáp thửa đất của ông H1, rộng 0.14m; Đông: Giáp đất ông Q, bà T, Tây giáp đất ông B, dài 28.56m, Bắc giáp đường, rộng 0.0m tọa lạc tại thôn Phương Trạch, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông và tháo dỡ móng đá học có chiều dài tương ứng 28.56m.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất 1.81m².

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T phải chịu 7.800.000 đồng (Đã nộp đủ tại tòa án).

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai số 00003407 ngày 06/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T số tiền 950.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo theo biên lai số: 0006843 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Chương

